TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 27 - 5 - 2024.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Vũ Quang Chung.

Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu và ông Lương Mạnh Tường.

- Thư ký phiên toà: ông Bùi Quang Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, về việc: "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/Q□-HNGĐ ngày 11 ngày 4 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024/QĐ-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: chị Đinh Thị H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: thôn Sơn Cao, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

***Bị đơn**: anh Trần Duy B, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn C, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa chị H, có mặt; anh B, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Duy B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 10/6/2017, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng với gia đình anh B, ở thôn C, xã G, huyện N. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị H phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là

do vợ chồng không hiểu nhau, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, hơn nữa giữa hai anh chị không có con chung nên mâu thuẫn càng khó hàn gắn. Từ tháng 9/2022, chị và anh B sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Duy B.

Về con chung: Chị H xác nhận giữa chị và anh Trần Duy B không có con chung, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị Đinh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Duy B cố tình vắng mặt không lý do, không nộp bản tự khai và các tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa phương.

- Tại biên bản xác minh ngày 04/3/2024, Đại diện chính quyền địa phương cung cấp: chị Đinh Thị H và anh Trần Duy B, là công dân của địa phương, kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình anh B ở thôn C, xã G, huyện N. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn chính quyền địa phương không rõ vì anh chị không đề nghị chính quyền địa phương hòa giải, chỉ biết hiện nay chị H không ở cùng anh B. Anh chị không có con chung. Anh B đi làm ăn lúc có mặt ở nhà, lúc không có mặt ở nhà, còn lý do tại sao anh B không lên Tòa án làm việc thì chính quyền không rõ. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết, đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 227; 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đinh Thị H và anh Trần Duy B.

- Về con chung: không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: chị Đinh Thị H không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Đinh Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình, loại việc: "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Duy B cố tình vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ nhiều lần, căn cứ quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh B.

[2]. **Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Trần Duy B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 19/4/2017, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống những năm đầu cuộc sống vợ chồng chị H, anh B H phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do vợ chồng không hiểu nhau, hơn nữa giữa hai anh chị không có con chung. Từ khoảng tháng 09/2022, chị H và anh B sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Anh Trần Duy B không lên Tòa án làm việc, điều đó chứng tỏ anh B không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Chị Đinh Thị H giữ nguyên quan điểm tình cảm giữa chị và anh B không còn, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống. Đủ cơ sở khẳng định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 các Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Đinh Thị H và anh Trần Duy B không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đinh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Áp dụng khoản 1 các Điều 19, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị H và anh Trần Duy B.

2. *Về con chung*: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản - công nợ chung*: Chị Đinh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Đinh Thị H phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0001073 ngày 24/11/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

5. *Quyền kháng cáo*: Chị Đinh Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Duy B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã G, H. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)
VŨ QUANG CHUNG